

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HS-ST
Ngày 12 tháng 3 năm 2026.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đạt Thành và bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Từ Thanh D, sinh năm 1989. CCCD: 089189026860; Nơi cư trú: tổ B, khóm E, xã T, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện nay: ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Từ Ngọc H, sinh năm 1962 và bà Châu Thị Kim H1, sinh năm 1964; chồng Trần Văn K, sinh năm 1984 (Ly hôn năm 2023); con có 02 người, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2025 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Chị Trần Thị Mỹ C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

3/ Chị Bùi Thị Kim O, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

4/ Ông Bùi Bắc Đ, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp S, xã Ó, tỉnh An Giang (có mặt).

5/ Chị Quách Thị Thanh H2, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp P, xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Dương Thành T1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: ấp P, xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ Anh Trần Hoài T2, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp T, xã Ó, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3/ Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 2002. Nơi cư trú: ấp P, xã B, tỉnh An Giang (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: ấp Đ, xã A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người phiên dịch tiếng Khmer: Ông Liêu K1, cán bộ hưu trí thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang (nay là xã Ó, tỉnh An Giang) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2025, Từ Thanh D nhắn tin với tài khoản Facebook tên “Khương Thị Trúc L” thống nhất việc L cung cấp mã tài khoản Ngân hàng (mã QR) để D chuyển tiền, sau đó L sẽ chuyển tiền trả lại, mỗi lần chuyển tiền D được hưởng lợi từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Ngày 08/04/2025, L gửi mã QR của nhiều tài khoản khác nhau cho D để chuyển tiền. D biết nếu chuyển tiền vào các tài khoản nêu trên có thể bị chiếm đoạt, nhưng vì muốn hưởng lợi từ các lần chuyển tiền nên D đến các cửa hàng có dịch vụ chuyển tiền trên địa bàn các xã T, Đ, nói dối là chuyển trả tiền mua hàng rồi D sẽ trả lại tiền vốn và tiền phí dịch vụ 1.000 đồng/1.000.000 đồng. Tin lời, C, T và O trong ngày 08/4/2025 nhiều lần chuyển tiền theo yêu cầu của D rồi bị chiếm đoạt, cụ thể:

- Tại ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang, Trần Thị Mỹ C chuyển 04 lần đến các tài khoản tên Trương Anh T3, Nguyễn Thị Hằng Q, bị chiếm đoạt tổng số tiền là 11.000.000 đồng.

- Tại ấp H, xã Đ, tỉnh An Giang, Nguyễn Thị Bé T chuyển 09 lần đến các tài khoản tên Lâm Minh P, Nguyễn Thái H3, Nguyễn Hữu T4, Ngô Thị Út N, bị chiếm đoạt tổng số tiền 58.400.000 đồng. Bùi Thị Kim O chuyển 02 lần đến các tài khoản tên Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thị Bích L1, bị chiếm đoạt tổng số tiền 11.800.000 đồng.

Quá trình mở rộng điều tra, xác định:

- Ngày 15/6/2025, D lấy các mã QR do nhóm “Kiếm tiền lời online” cung cấp qua mạng xã hội Facebook rồi đến nhà của Bùi Bắc Đ thuộc ấp S, xã Ó, tỉnh An Giang, D nói dối là chuyển tiền để trả góp xây nhà. Tin lời, Đ đã chuyển 02 lần đến các tài khoản tên Võ Thị Trúc L2, Đỗ Phước Đ2, bị chiếm đoạt tổng số tiền là 25.000.000 đồng.

- Ngày 17/6/2025, D tiếp tục lấy các mã QR do nhóm “Kiếm tiền lời online” cung cấp rồi đến nhà Quách Thị Thanh H2 thuộc ấp P, xã T, tỉnh An Giang, thuê H2 chuyển tiền. Do khoảng 07 giờ cùng ngày, D có thuê H2 chuyển tiền và trả tiền vốn, tiền phí như thỏa thuận nên H2 tin tưởng chuyển 04 lần đến các số tài khoản của Lò K, Nguyễn Trung T5, Đỗ Văn Đ3, bị chiếm đoạt tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, D đến Công an xã A (nay là Công an xã T) đầu thú.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8, màu đen; 01 xe mô tô biển số 67C1-397.19 nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu trắng - đen.

Tại Kết luận giám định số 590/KL-KTHS ngày 12/07/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh A, kết luận: “tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, có số IMEI 1: 862204058247136 và số IMEI 2: 862204058417135, đã qua sử dụng của Từ Thanh D”.

Kết luận giám định số 618/KL-KTHS ngày 18/09/2025 của Phòng K2 - Công an tỉnh A, kết luận: “tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, có số IMEI 1: 358491090882191 và số IMEI 2: 358492090882199, đã qua sử dụng của Từ Thanh D”.

Tại Cáo trạng số 61/CT-VKSKV10, ngày 05/02/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang đã truy tố bị cáo Từ Thanh D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Từ Thanh D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Bị hại Trần Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Bé T, Bùi Thị Kim O, Bùi Bắc Đ, Quách Thị Thanh H2; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thành T1, Trần Hoài T2, Võ Thị Ngọc M, Nguyễn Văn Đ1 trình bày như nội dung vụ án đã nêu. Các bị hại C, T, O, Đ, H2 yêu cầu D bồi thường số tiền đã bị chiếm đoạt.

Đại diện Viện Kiểm sát luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt, nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm b, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Từ Thanh D từ 07 năm đến 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Về hình phạt bổ sung: Không. Về xử lý vật chứng đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội nêu trên của đại diện Viện Kiểm sát, đồng thời không tranh luận, bào chữa gì khác. Nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng

xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10 - An Giang, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Hoài T2, Võ Thị Ngọc M, Nguyễn Văn Đ1 vắng mặt không rõ lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy sau khi vụ án xảy ra, những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, khi cần thiết Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của họ trước tòa. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Từ Thanh D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Từ ngày 08/4/2025 đến ngày 17/6/2025, tại các xã T, Đ, Ó, T, tỉnh An Giang, Từ T nhiều lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Trần Thị Mỹ C, Nguyễn Thị Bé T, Bùi Thị Kim O, Bùi Bắc Đ, Quách Thị Thanh H2, tổng số tiền chiếm đoạt là 206.200.000 đồng.

Căn cứ quy định pháp luật, hành vi nêu trên của bị cáo Từ Thanh D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng là chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại nhiều địa phương, làm cho quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm để răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu lo lao động để nuôi sống bản thân, giúp ích cho gia đình, ngược lại do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải đổ mồ hôi công sức nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do mình gây ra.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm b, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đến cơ quan công an đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy: Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt vì chưa có tiền án, tiền sự; nhưng hành vi phạm tội của bị cáo thuộc tội phạm rất nghiêm trọng, bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, nhằm giáo dục răn đe và phòng ngừa chung. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 luật Hình sự năm 2015 thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa các bị hại yêu cầu bị cáo trả lại số tiền như sau: Trần Thị Mỹ C yêu cầu bị cáo trả lại 11.000.000 đồng, Nguyễn Thị Bé T yêu cầu bị cáo trả lại 58.000.000 đồng, Bùi Thị Kim O yêu cầu bị cáo trả lại 11.800.000 đồng, Bùi Bắc Đ yêu cầu bị cáo trả lại 25.000.000 đồng, Quách Thị Thanh H2 yêu cầu bị cáo trả lại 100.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của các bị hại là có căn cứ, tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả lại cho các bị hại số tiền trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9S; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8, màu đen là phương tiện phạm tội của bị cáo nên tịch thu sung ngân sách nhà nước; đối với 01 xe mô tô biển số 67C1-397.19 nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX, màu trắng - đen tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Từ Thanh D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Từ Thanh D 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 18/6/2025).

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Từ Thanh D có trách nhiệm trả cho các bị hại số tiền như sau: Trả cho Trần Thị Mỹ C số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng); trả cho Nguyễn Thị Bé T số tiền 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng); trả cho Bùi Thị Kim O số tiền 11.800.000 đồng (mười một triệu tám trăm nghìn đồng); trả cho Bùi Bắc Đ số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng); trả cho Quách Thị Thanh H2 số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên người phải thi hành án không trả được, thì các bên có quyền thỏa thuận lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Nếu các bên không thỏa thuận được thì người phải thi hành án phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 9S, số IMEI 1: 862204058247136 và số IMEI 2: 862204058247135, có gắn 02 thẻ sim đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động gửi giám định nhãn hiệu Samsung, model: Galaxy A8 (2018), số IMEI 1: 358491090882191 và số IMEI 2: 358492090882199.

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển số 67C1-397.19 nhãn hiệu HONDA, số loại Wave RSX, màu trắng - đen, số máy JA38E0007779, số khung 3828GY002485 để đảm bảo thi hành án dân sự.

(Tất cả đã qua sử dụng) (Đặc điểm tang vật như Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/02/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh A và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - An Giang)

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Từ Thanh D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 10.290.000 đồng án phí dân sự trong hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 10 - An Giang;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh An Giang;
- Cơ quan THAHS-Công an tỉnh An Giang;
- Phân trại tạm giam Cô Tô (Cơ sở 3);
- Phòng THADS khu vực 10 - An Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Triều